

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HS-ST
Ngày: 17-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Nguyễn TH Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2023/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Thị Pg**, sinh năm 1973; nơi sinh: thành phố K, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 03, khóm Hòa Bình, phường Vĩnh Mỹ, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Cao Đài; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đực và bà Bùi Thị Hai (đều đã chết); chồng là lê Văn Dũng, sinh năm 1973; con có 03 người, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2009; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người cuối cùng.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Hiền UH** (tên gọi khác: Lâm), sinh năm 1979; nơi sinh: thành phố K, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp V1, xã V, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: chạy xe Honda đầu; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H (chết) và bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1955; vợ Trần Thị Bích T, sinh năm

1982 (đã ly hôn); con có 02 người, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ hai.

Nhân thân: Ngày 24/8/2000, bị Toà án nhân dân tỉnh An Giang kết án 01 năm 06 tháng tù về tội “Mua dâm người chưa thành niên”, chấp hành xong, xoá án tích.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thu TH, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 19, ấp M, xã VC, thành phố K, tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Võ Quang TN, sinh năm 199; nơi cư trú: ấp M, xã VC, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Võ Thị Thu DG, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp M, xã VC, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước, từ ngày 10/7/2019 đến ngày 07/10/2019, Nguyễn Thị Pg, Nguyễn Hiền UH thỏa thuận cùng nhau góp vốn cho Nguyễn thị Thu TH vay tiền 08 lần, tổng số tiền 80.000.000 đồng. Việc thỏa thuận vay giữa Pg, UH và TH không làm hợp đồng, 01 tháng tính 30 ngày, thực hiện thanh toán tiền lãi hàng ngày và không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc; mức lãi suất theo thỏa thuận 02%/ngày tương ứng 720%/năm, cao gấp 36 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm). Cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/7/2019 Pg, UH cho TH vay 10.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 2%/ngày, 720%/năm; Pg, UH thu lãi trước 03 ngày (từ ngày 10/7/2019 đến ngày 12/7/2019) mỗi ngày 200.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng. Riêng tiền lãi từ ngày 13/7/2019 đến ngày 20/7/2019, TH còn nợ Pg, UH số tiền 1.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi Pg, UH tính cho TH từ ngày 10/7/2019 đến ngày 20/7/2019 là 2.200.000 đồng, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Pg, UH được phép thu là 61.600 đồng, Pg, UH thu lợi bất chính 2.138.400 đồng. Số tiền nợ gốc TH chưa thanh toán.

Lần 2: Ngày 20/7/2019, Pg, UH tiếp tục cho TH vay 10.000.000 đồng, cộng với nợ gốc lần thứ nhất là 20.000.000 đồng, mức lãi suất như lần thứ nhất; Pg, UH thu lãi trước 03 ngày (từ ngày 21/7/2019 đến ngày 23/7/2019) mỗi ngày 400.000 đồng, tổng cộng 1.200.000 đồng. Riêng tiền lãi từ ngày 24/7/2019 đến

ngày 26/7/2019 TH còn nợ Pg, UH số tiền 1.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi Pg, UH tính cho TH từ ngày 21/7/2019 đến ngày 26/7/2019 là 2.400.000 đồng, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Pg, UH được phép thu là 67.200 đồng, Pg, UH thu lợi bất chính 2.332.800 đồng. Số tiền nợ gốc TH chưa thanh toán.

Lần 3: Ngày 27/7/2019, Pg, UH cho TH vay 10.000.000 đồng, cộng với nợ gốc của các lần vay trước là 30.000.000 đồng, mức lãi suất như trên; Pg, UH thu lãi trước 03 ngày (từ ngày 28/7/2019 đến ngày 30/7/2019), mỗi ngày 600.000 đồng, tổng cộng 1.800.000 đồng, riêng tiền lãi từ ngày 31/7/2019 đến 15/8/2019 TH còn nợ Pg, UH số tiền 9.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi Pg, UH tính cho TH từ ngày 28/7/2019 đến 15/8/2019 là 11.400.000 đồng, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Pg, UH được phép thu là 319.000 đồng, Pg, UH thu lợi bất chính 11.080.800 đồng. Số tiền gốc TH chưa thanh toán.

Lần 4: Ngày 15/8/2019, Pg, UH cho TH vay 10.000.000 đồng, cộng với nợ gốc của các lần vay trước là 40.000.000 đồng, mức lãi suất như trên; Pg, UH thu lãi trước 03 ngày (từ ngày 16/8/2019 đến ngày 18/8/2019) mỗi ngày 800.000 đồng, tổng cộng 2.400.000 đồng. Riêng tiền lãi từ ngày 19/8/2019 đến 27/8/2019 TH còn nợ Pg, UH số tiền 7.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi Pg, UH tính cho TH từ ngày 16/8/2019 đến 27/8/2019 là 9.600.000 đồng, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Pg, UH được phép thu là 268.000 đồng, Pg, UH thu lợi bất chính 9.331.200 đồng. Số tiền nợ gốc TH chưa thanh toán.

Lần 5: Ngày 27/8/2019, Pg, UH cho TH vay 10.000.000 đồng, cộng với nợ gốc của các lần vay trước là 50.000.000 đồng, mức lãi suất như trên; Pg, UH thu lãi trước 03 ngày (từ ngày 28/8/2019 đến ngày 30/8/2019) mỗi ngày 1.000.000 đồng, tổng cộng 3.000.000 đồng. Riêng tiền lãi từ ngày 31/8/2019 đến 13/9/2019, TH còn nợ Pg, UH số tiền 14.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi Pg, UH tính cho TH từ ngày 27/8/2019 đến 13/9/2019 là 17.000.000 đồng, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Pg, UH được phép thu là 476.000 đồng, Pg, UH thu lợi bất chính 16.542.000 đồng. Số tiền nợ gốc TH chưa thanh toán.

Lần 6: Ngày 13/9/2019 Pg, UH cho TH vay 10.000.000 đồng, cộng với nợ gốc của các lần vay trước là 60.000.000 đồng, mức lãi suất như trên; Pg, UH thu lãi trước 03 ngày (từ ngày 14/9/2019 đến 16/9/2019) mỗi ngày 1.200.000 đồng, tổng cộng 3.600.000 đồng. Riêng tiền lãi từ ngày 17/9/2019 đến 24/9/2019 TH còn nợ Pg, UH số tiền 9.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi Pg, UH tính cho TH từ ngày 13/9/2019 đến 24/9/2019 là 13.200.000 đồng, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Pg, UH được phép thu là 369.600 đồng, Pg, UH thu lợi bất chính 12.830.400 đồng. Số tiền nợ gốc TH chưa thanh toán.

Lần 7: Ngày 24/9/2019, Pg, UH cho TH vay số tiền 10.000.000 đồng, cộng với nợ gốc của các lần vay trước là 70.000.000 đồng, mức lãi suất như trên; Pg, UH thu lãi trước 03 ngày (từ ngày 25/9/2019 đến ngày 27/9/2019) mỗi ngày 1.400.000 đồng, tổng cộng 4.200.000 đồng. Riêng tiền lãi từ ngày 28/9/2019 đến 06/10/2019 TH còn nợ Pg, UH số tiền 12.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi Pg, UH tính cho TH từ ngày 24/9/2019 đến ngày 06/10/2019 là 16.800.000 đồng, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Pg, UH được phép thu là 470.400 đồng, Pg, UH thu lợi bất chính 16.329.600 đồng. Số tiền nợ gốc TH chưa thanh toán.

Lần 8: Ngày 07/10/2019 Pg, UH cho TH vay 10.000.000 đồng, cộng với nợ gốc của các lần vay trước là 80.000.000 đồng, mức lãi suất như trên, nhưng không lấy trước tiền lãi. Đến ngày 11/10/2019, Pg, UH yêu cầu TH trả cho Pg, UH 600.000 đồng, 20.000.000 đồng còn lại, Pg, UH tiếp tục cộng dồn vào nợ gốc là 100.000.000 đồng để tiếp tục tính lãi. Với số tiền lãi 20.600.000 đồng, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Pg, UH được phép thu là 222.222 đồng, Pg, UH thu lợi bất chính 20.377.778 đồng.

Đến ngày 25/11/2019 TH không thanh toán tiền lãi hàng ngày nên Pg, UH yêu cầu TH trả tiền lãi là 133.200.000 đồng/100.000.000 đồng nợ gốc. TH thỏa thuận chuyển nhượng cho Pg, UH phần diện tích 345 m² đất ruộng, đường Kênh Đào, ấp M, xã VC, thành phố K giá 150.000.000 đồng để trừ tiền lãi 133.200.000 đồng mà TH còn thiếu, Pg, UH đưa thêm cho TH 11.500.000 đồng. Với số tiền lãi 133.200.000 đồng, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Pg, UH được phép thu là 2.150.000 đồng, Pg, UH hưởng thu lợi bất chính 131.050.000 đồng.

Đến ngày 09/2020 do TH không khả năng thanh toán nợ gốc và lãi của khoản vay trên, Pg, UH thỏa thuận với TH viết giấy nhận nợ, yêu cầu TH phải trả khoản vay trên với số tiền 8.400.000.000 (tám tỷ bốn trăm triệu) đồng, trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 8.300.000.000 đồng. Với số tiền lãi 8.300.000.000 đồng, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Pg, UH được phép thu là 20.167.000 đồng, hưởng thu lợi bất chính là 8.279.833.000 đồng. Ngày 28/11/2020 TH trình báo Cơ quan Công an, mời làm việc, Pg, UH thừa nhận hành vi cho vay nặng lãi nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 giấy mua bán đất nền thổ cư, diện tích 345 m² giữa Nguyễn Thị Thu TH và Nguyễn Thị Pg; 01 giấy nhận nợ (không ghi ngày), số tiền 230.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ (không ghi ngày), số tiền 1.320.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ ngày 05/5/2020 âm lịch, số tiền 2.400.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ ghi ngày 20/5 âm lịch (không ghi năm), số tiền 3.720.000.000 đồng và 8.400.000.000 đồng (đã lưu hồ sơ vụ án).

Căn cứ Kết luận giám định số 56/KLGT-PC09 (TL) ngày 13/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận:

- Chữ viết tên “Võ Thị Thu DG” và chữ ký tên “DG” tại dòng 03, dòng 04 tính từ trên xuống trang 02 tài liệu cần giám định (ký hiệu: A) so với chữ viết và chữ ký của Võ Thị Thu DG trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1) do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ ký tên “toàn” tại dòng 06 tính từ trên xuống trang 02 tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của Võ Quang TN trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M2) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký tên “TH” tại dòng 10 tính từ trên xuống trên trang 02 tài liệu cần giám định (ký hiệu: A) so với chữ ký của Nguyễn Thị Thu TH trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M3) do cùng một người viết ra.

- Chữ ký tên “Pg” tại dòng 04 tính từ trên xuống trang 02 tài liệu cần giám định (ký hiệu: A) so với chữ ký của Nguyễn Thị Pg trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M4) do cùng một người viết ra.

- Chữ ký “Người chứng kiến dao tiền”, “Nguyễn hiền hậu” tại dòng 05, dòng 06 tính từ trên xuống trang 02 tài liệu cần giám định (ký hiệu: A) so với chữ viết của Nguyễn Hiền UH trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M5) do cùng một người viết ra.

- Chữ ký tên “Hảo” tại dòng 08 tính từ trên xuống trên trang 02 tài liệu cần giám định (ký hiệu: A) so với chữ ký tên “Hảo” do Võ Thị Thu DG ký ra trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M6) do cùng một người ký ra.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 797/KL-ĐG ngày 21/11/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố K, ghi nhận:

Diện tích 345 m² đất ruộng, chia ra 03 nền nhà, mỗi nền có chiều ngang 05m, chiều dài 23m, khu đất thuộc rất trồng cây hàng năm, đường Kênh Đào, có đơn giá tại vị trí 1 là 65.000 đồng/m²; giá trị thành tiền 22.425.000 đồng. Khảo sát thực tế giá chuyển nhượng thị trường giao dịch quanh khu vực có giá trị 150.000 đồng/m², giá trị thành tiền 51.750.000 đồng.

Ngày 13/5/2022 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K ban hành các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Pg, Nguyễn Hiền UH về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Cáo trạng số: 20/CT-VKSCĐ-HS ngày 07/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Pg, Nguyễn Hiền UH về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, các bị cáo Pg, UH khai nhận để thu lợi bất chính, các bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Pg từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo UH từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị phạt tiền mỗi bị cáo Pg, UH từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Đề nghị tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 giấy mua bán đất nền thổ cư, diện tích 345 m² giữa Nguyễn Thị Thu TH và Nguyễn Thị Pg; 01 giấy nhận nợ (không ghi ngày), số tiền 230.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ (không ghi ngày), số tiền 1.320.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ ngày 05/5/2020 âm lịch, số tiền 2.400.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ ghi ngày 20/5 âm lịch (không ghi năm), số tiền 3.720.000.000 đồng và 8.400.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước đối với:

- Khoản tiền mà các bị cáo dùng cho vay là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị Thu TH chưa trả cho các bị cáo, nên đề nghị buộc truy thu 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thu TH để sung quỹ nhà nước.

- Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo đã thu tiền của người vay.

- Tiền 11.500.000 (mười một triệu năm trăm ngàn) đồng, là số tiền mà các bị cáo đưa cho Nguyễn Thị Thu TH để nhận chuyển nhượng nền nhà, đây là khoản tiền nhằm thực hiện giao dịch bất hợp pháp. Do các bị cáo đã đưa cho bà TH, nên buộc truy thu từ Nguyễn Thị Thu TH số tiền 11.500.000 (mười một triệu năm trăm ngàn) đồng để sung quỹ nhà nước.

- Đối với các khoản tiền thu lãi thực tế vượt quá phạm vi pháp luật cho phép (trên 20%), đề nghị buộc các bị cáo trả lại cho người vay tiền Nguyễn Thị Thu TH.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bà Nguyễn Thị Thu TH xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội

Theo hồ sơ thể hiện, các bị cáo Pg, UH đã cho người vay Nguyễn Thị Thu TH với lãi suất vượt quá từ gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, cụ thể khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“Lãi suất vay do các bên thoả thuận.

Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt qua 20%/năm của khoản tiền vay...”

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận, thấy hoàn cảnh người vay Nguyễn Thị Thu TH cần tiền để trang trải cuộc sống trong lúc gia đình gặp khó khăn, nên đã cho TH vay tiền với lãi suất 720%/năm, để lấy tiền lãi tiêu xài. Cụ thể trong thời gian từ ngày 10/7/2019 đến ngày 25/11/2019 (139 ngày), số tiền các bị cáo cho TH vay thực tế số tiền gốc là 80.000.000 đồng; số tiền lãi theo thỏa thuận giữa các bị cáo và TH, TH đã trả cho các bị cáo (720%/năm, tương đương 02%/ngày) là 172.600.000 đồng; số tiền lãi được phép thu theo quy định (20%/năm, tương đương 0,055%/ngày) là 4.794.000 đồng, do đó số tiền lãi thu lợi bất chính (700%/năm, tương đương 1,944%/ngày) là 167.805.555 đồng.

Trong số tiền lãi 172.600.000 đồng, các bị cáo đã thực tế nhận tiền lãi 150.600.000 đồng, gồm tiền lãi của bà TH trả trước là 17.400.000 đồng, còn lại 133.200.000 đồng là phần đất ruộng diện tích 345m², Pg, UH đã mua của TH để cản trừ khoản tiền lãi phát sinh là 133.200.000 đồng trong quá trình vay, các bị cáo còn đưa tiền mặt riêng thêm cho TH số tiền 11.500.000 đồng xem như TH đã thanh toán xong phần lãi. Tuy nhiên sau khi mua, do vướng về thủ tục giấy tờ

nên chưa chuyển được quyền sử dụng đất, còn số tiền lãi Pg, UH hướng đến thu của TH là 8.300.00.000 (tám tỷ ba trăm triệu) đồng, do ngày 28/11/2020 TH trình báo Công an nên không thu được.

Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và lời buộc tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội:

Hành vi cho vay lãi nặng đang là vấn đề được Đảng và Nhà nước quan tâm, xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về hoạt động tín dụng, xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân, mọi hành vi cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính đều phải bị xử lý nghiêm nhằm bảo đảm trật tự, trị an của xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, là gây thiệt hại cho người vay bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ tư lợi muốn có tiền để tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính, các bị cáo đã lợi dụng người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp giải quyết công việc trong cuộc sống để cho vay với mức lãi suất cao hơn nhiều lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Vai trò đồng phạm

Trong vụ án, cả hai bị cáo cùng nhau bàn bạc, thống nhất hùn tiền mỗi người 50% để cho Nguyễn Thị Thu TH vay và thỏa thuận cùng chia đôi số tiền lãi thu được của người vay tiền. Vì vậy, phát sinh vai trò đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, không có tính chất băng nhóm tội phạm, các bị cáo có vai trò ngang nhau, cùng là người thực hành nên phải cùng chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt ngang nhau. Do đó, để có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo cũng như đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Nhận thấy bị cáo Phương, UH chưa tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo UH có nhân thân xấu, đã từng bị kết án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng không được xem xét hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo khoản 1 Điều 51 BLHS như bị cáo Pg. Cần xem xét cho các bị cáo thuộc thành phần lao

động, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy các bị cáo sẽ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Cần phạt tiền mỗi bị cáo Pg, UH là 30.000.000 đồng để răn đe, giáo dục chung trong xã hội.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Đối với 01 giấy mua bán đất nền thổ cư, diện tích 345 m² giữa Nguyễn Thị Thu TH và Nguyễn Thị Pg; 01 giấy nhận nợ (không ghi ngày), số tiền 230.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ (không ghi ngày), số tiền 1.320.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ ngày 05/5/2020 âm lịch, số tiền 2.400.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ ghi ngày 20/5 âm lịch (không ghi năm), số tiền 3.720.000.000 đồng và 8.400.000.000 đồng, là vật chứng, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên xét tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[9] Các biện pháp tư pháp:

1. Đối với số tiền gốc các bị cáo Pg, UH cho TH vay và số tiền 11.500.000 đồng mà TH đã nhận trong việc cản trừ nợ bằng việc mua bán phần diện tích 345 m² đất ruộng, đường Kênh Đào, ấp M, xã VC, thành phố K, (giá 150.000.000 đồng để trừ tiền lãi 133.200.000 đồng, Pg, UH đưa thêm cho TH 11.500.000 đồng). Đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước, tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được tổng số tiền gốc thực tế bị cáo Pg, UH cho vay tính lãi nặng trong giao dịch dân sự là 80.000.000 đồng, nhưng Nguyễn Thị Thu TH chưa trả tiền gốc cho các bị cáo nên cần truy thu buộc Nguyễn Thị Thu TH phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc của các bị cáo dùng để cho vay là 80.000.000 đồng và 11.500.000 đồng, tổng cộng là 91.500.000 đồng.

2. Đối với khoản tiền lãi các bị cáo đã thu của Nguyễn Thị Thu TH số tiền 17.400.000 đồng/số nợ gốc 80.000.000 đồng, trong đó số tiền 4.794.000 đồng là khoản tiền lãi thu mặc dù theo mức lãi suất của Bộ luật Dân sự, nhưng đây là tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc các bị cáo liên đới nộp vào ngân sách nhà nước; còn lại là 12.606.000 đồng, là khoản thu lợi bất chính vượt lãi suất cho phép của người vay nên buộc các bị cáo Pg, UH phải liên đới trả lại số tiền 12.606.000 đồng cho Nguyễn Thị Thu TH.

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Pg, Nguyễn Hiền UH, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hiền UH phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Xử phạt Nguyễn Hiền UH (Lâm) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Pg phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Xử phạt Nguyễn Thị Pg 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Hình phạt bổ sung:

Phạt tiền mỗi bị cáo Pg, UH 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy mua bán đất nền thổ cư, diện tích 345 m² giữa Nguyễn Thị Thu TH và Nguyễn Thị Pg; 01 giấy nhận nợ (không ghi ngày), số tiền 230.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ (không ghi ngày), số tiền 1.320.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ ngày 05/5/2020 âm lịch, số tiền 2.400.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ ghi ngày 20/5 âm lịch (không ghi năm), số tiền 3.720.000.000 đồng và 8.400.000.000 đồng.

[4] Các biện pháp tư pháp:

- Buộc truy thu Nguyễn Thị Thu TH nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc của các bị cáo dùng để cho vay là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và

11.500.000 (mười một triệu năm trăm ngàn) đồng, tổng cộng là 91.500.000 (chín mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng.

- Buộc các bị cáo Pg, UH phải liên đới trả lại cho Nguyễn Thị Thu TH số tiền lãi thu vượt quá quy định của pháp luật là 12.606.000 (mười hai triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn) đồng.

- Buộc các bị cáo Pg, UH phải liên đới nộp lại khoản tiền lãi đã thu của Nguyễn Thị Thu TH, số tiền 4.794.000 (bốn triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn) đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Pg và Nguyễn Hiền UH, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**Trịnh Thị Ngọc Hà**